

Số: 89 /NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Hội họa trình độ đại học, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam

## HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-KĐCLGD ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Hội họa trình độ đại học của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam tại Phiên họp thứ XXIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) nghiên cứu và thẩm định Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Hội họa trình độ đại học của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, thẩm định Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín tại Phiên họp thứ XXIX của Hội đồng ngày 25 tháng 11 năm 2025 đã thông qua với tỉ lệ 100% (11/11/11) thành viên Hội đồng đã tán thành Nghị quyết.

## QUYẾT NGHỊ:

1. Hội đồng thẩm định và thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Hội họa trình độ đại học của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam. Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4 điểm trở lên là 47 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 94,00%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

Đoàn chuyên gia đã thực hiện đánh giá ngoài độc lập, khách quan, minh bạch và tuân thủ đúng quy trình kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đánh giá chương trình đào tạo đã được cơ sở giáo dục đại học đồng thuận hoàn toàn.

2. Kiến nghị Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam cần tham khảo các kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến các tồn tại nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo (*chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 trong Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng thống nhất đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo ngành Hội họa trình độ đại học của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.

**Nơi nhận:**

- Trường ĐH MTVN;
- Giám đốc TT KĐCLGD;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCLGD;
- Phòng CNCL;
- Trang TTĐT cca-avuc.edu.vn;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**

**CHỦ TỊCH**



**PGS.TS. Nguyễn Phương Nga**

## Phụ lục I



**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH HỘI HỌA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC,  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT VIỆT NAM**

(Kèm theo Nghị quyết số: 89 /NQ-HĐKDCLGD ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng  
Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam)

| Tiêu chuẩn/Tiêu chí | Điểm theo tiêu chí | Điểm theo tiêu chuẩn |                         |                       |
|---------------------|--------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|
|                     |                    | Mức trung bình       | Số tiêu chí đạt yêu cầu | Tỉ lệ số tiêu chí đạt |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b> |                    | <b>4,00</b>          | <b>3</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 1.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 1.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 1.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b> |                    | <b>4,00</b>          | <b>3</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 2.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 2.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 2.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b> |                    | <b>3,67</b>          | <b>2</b>                | <b>66,67%</b>         |
| Tiêu chí 3.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 3.2        | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 3.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b> |                    | <b>4,00</b>          | <b>3</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 4.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 4.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 4.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> |                    | <b>4,00</b>          | <b>4</b>                | <b>80,00%</b>         |
| Tiêu chí 5.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.3        | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.4        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.5        | 5                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b> |                    | <b>4,14</b>          | <b>7</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 6.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.4        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.5        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.6        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.7        | 5                  |                      |                         |                       |

| Tiêu chuẩn/Tiêu chí        | Điểm theo tiêu chí | Điểm theo tiêu chuẩn |                         |                       |
|----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|
|                            |                    | Mức trung bình       | Số tiêu chí đạt yêu cầu | Tỉ lệ số tiêu chí đạt |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>        |                    | <b>4,00</b>          | <b>5</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 7.1               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 7.2               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 7.3               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 7.4               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 7.5               | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>        |                    | <b>4,00</b>          | <b>5</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 8.1               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 8.2               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 8.3               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 8.4               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 8.5               | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>        |                    | <b>3,80</b>          | <b>4</b>                | <b>80,00%</b>         |
| Tiêu chí 9.1               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 9.2               | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 9.3               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 9.4               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 9.5               | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>       |                    | <b>4,00</b>          | <b>6</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 10.1              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.2              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.3              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.4              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.5              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.6              | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>       |                    | <b>4,40</b>          | <b>5</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 11.1              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 11.2              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 11.3              | 5                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 11.4              | 5                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 11.5              | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Điểm đánh giá chung</b> | <b>4,02</b>        | <b>4,00</b>          | <b>47</b>               | <b>94,00%</b>         |

## Phụ lục II

**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH HỘI HỌA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC,  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT VIỆT NAM**



(Kèm theo Nghị quyết số: 89 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam)

Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam đã có bề dày lịch sử gần 100 năm, bắt đầu từ Trường Mỹ thuật Đông Dương (École des Beaux Arts) được thành lập năm 1925. Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã trải qua các thời kỳ thay đổi tên Trường như sau: Trường Mỹ thuật Đông Dương, Trường Mỹ thuật Việt Nam, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội và hiện nay là Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam được đổi tên theo Quyết định số 149/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2008.

Khoa Hội họa là một trong 5 khoa trực thuộc Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, có lịch sử phát triển lâu đời từ khi Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ra đời vào năm 1925. Hiện nay Khoa Hội họa đang đào tạo các chuyên ngành gồm: Chuyên ngành tranh Sơn dầu, Chuyên ngành tranh Sơn mài, Chuyên ngành Tranh Lụa.

***Kết quả kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo ngành Hội họa trình độ đại học của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025 đã chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những điểm cần khắc phục theo kiến nghị của Hội đồng:***

### **I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH**

1. Mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo ngành Hội họa được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn, Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam và các quy định của Luật Giáo dục đại học.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Hội họa có các nội dung theo quy định, được rà soát và cập nhật những vấn đề mới có liên quan.

3. Các phiên bản của chương trình dạy học ngành Hội họa bám sát chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và được thiết kế theo quy định.

4. Nhà trường chính thức tuyên bố Triết lý giáo dục là “Giáo dục để khai phóng người học trở thành người sáng tạo mỹ thuật, làm chủ bản thân, có tư duy tạo hình và thẩm mỹ cao, tự chủ trong nghề nghiệp, có khát vọng cống hiến; năng động, biết khởi



nghiệp, lập nghiệp và phối hợp hài hòa lợi ích bản thân với cộng đồng, dân tộc” và được chuyển tải vào chương trình dạy học, được phổ biến tới cán bộ, giảng viên, người học.

5. Căn cứ theo tính chất của từng học phần, Khoa xây dựng và sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp.

6. Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ tuân thủ quy định và được thực hiện theo trình tự chặt chẽ.

7. Nhà trường đã triển khai đánh giá năng lực nhân viên qua các tiêu chí, tiêu chuẩn gắn với vị trí việc làm và nhiệm vụ năm học.

8. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc và học tập trong khuôn viên của Trường cởi mở, thân thiện tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

9. Phòng thực hành của Nhà trường và ngành Hội họa có các trang thiết bị phù hợp với lĩnh vực đào tạo để phục vụ cho việc triển khai các bài học/học phần thực hành thuộc chương trình đào tạo.

10. Nhà trường đã có quy định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo.

11. Kết quả khảo sát cho thấy có từ 93%-97% người học ngành Hội họa có việc làm sau tốt nghiệp, nhiều sinh viên tốt nghiệp đã tự tạo việc làm.

## **II. HỘI ĐỒNG KIẾN NGHỊ**

1. Nhà trường/Khoa nên xem xét để bổ sung chuẩn đầu ra liên quan đến nhận thức và năng lực thực hành về sở hữu trí tuệ, bản quyền trong lĩnh vực mỹ thuật, nhằm giúp người học hiểu rõ quyền tác giả, quyền sử dụng hình ảnh, cũng như có khả năng bảo vệ và khai thác hợp pháp các sản phẩm sáng tạo của mình trong thực tiễn nghề nghiệp.

2. Trường/Khoa cần đa dạng hóa cách thức công bố Bản mô tả chương trình đào tạo, ứng dụng các kênh truyền thông số như: fanpage, YouTube/TikTok trên các định dạng gần gũi với giới trẻ, phụ huynh như infographic, video ngắn, brochure điện tử.

3. Khoa cần rà soát, cập nhật đồng bộ hệ thống phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong các đề cương học phần để đảm bảo tính nhất quán giữa Bản mô tả chương trình đào tạo với các đề cương chi tiết học phần cùng các giáo án của học phần và phù hợp với đặc thù ngành đào tạo.

4. Khoa và giảng viên nên tiếp tục đổi mới và thực hiện đồng bộ phương pháp dạy học theo hướng trải nghiệm, phân biện và sáng tạo, trong đó giảng viên đóng vai trò người hướng dẫn, đồng hành cùng người học.

5. Định kỳ hằng năm, Nhà trường và Khoa cần phân tích phổ điểm và đánh giá độ tin cậy, độ giá trị của các đề thi hết học phần.

6. Nhà trường nên có chính sách duy trì và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao, chú trọng bồi dưỡng nhân sự diện quy hoạch đáp ứng nhu cầu đổi mới.

7. Sau mỗi lớp đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, Nhà trường nên tổng kết, đánh giá một cách bài bản về tác động đối với công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các nhân viên để làm cơ sở cho cải tiến chất lượng trong hoạt động đào tạo/bồi dưỡng hằng năm.

8. Nhà trường và các đơn vị liên quan nên có lộ trình xây dựng chiến lược và có chính sách phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ học thuật.

9. Trung tâm thông tin, thư viện cần sớm phối hợp với Khoa Hội họa để rà soát lại danh mục các giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong các đề cương chi tiết học phần và kịp thời mua bổ sung các tài liệu mới nhất liên quan đến chương trình đào tạo.

10. Nhà trường/Khoa cần có chính sách khuyến khích giảng viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, gắn lý luận với giải quyết các vấn đề thực tiễn.

11. Nhà trường, Khoa cần rà soát đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học để có những điều chỉnh phù hợp hơn nhằm giúp sinh viên hoàn thành các học phần theo đúng tiến độ và đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ để tốt nghiệp đúng thời hạn.

Trên đây là các nhóm giải pháp thuộc kiến nghị của Hội đồng, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng các giải pháp triển khai thực hiện và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo ngành Hội họa trình độ đại học của Nhà trường. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần gửi báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam theo quy định. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo ngành Hội họa trình độ đại học được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đạt tiêu chuẩn chất lượng./.

